CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2013*

NGHỊ QUYẾT
Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) tỉnh Hà Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (Tờ trình số 2065/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2012), của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 85/TTr-BTNMT ngày 06 tháng 12 năm 2012),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Hà Nam với các chỉ tiêu sau:

1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

STT	Loại đất	Hiện trạng năm 2010		Quy hoạch đến năm 2020			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Quốc gia phân bổ (ha)	Tỉnh xác định (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	**86.049**	**100**			**86.049**	**100**
1	Đất nông nghiệp	55.644	64,67	46.699		46.699	54,27
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	36.429	65,47	30.590		30.590	65,50
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)	*35.245*		*30.590*		*30.590*	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	3.821	6,87		3.465	3.465	7,42
1.3	Đất rừng phòng hộ	5.136	9,23	2.600		2.600	5,57
1.4	Đất rừng sản xuất	1.241	2,23	3.373		3.373	7,22
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	4.835	8,69	4.350		4.350	9,31
2	Đất phi nông nghiệp	26.642	30,96	38.222		38.222	44,42

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

	Trong đó:						
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình, sự nghiệp	118	0,44		341	341	0,89
2.2	Đất quốc phòng	185	0,69	150	47	197	0,52
2.3	Đất an ninh	252	0,95	760		228	0,60
2.4	Đất khu công nghiệp	899	3,37	1.773	359	2.132	5,58
	Đất xây dựng khu công nghiệp	*720*		*1.773*		*1.773*	
	Đất xây dựng cụm công nghiệp	*179*			*359*	*359*	
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	380	1,43		1.684	1.684	4,41
2.6	Đất di tích danh thắng	894	3,36	856	64	920	2,41
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	29	0,11	86		86	0,23
2.8	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	235	0,88		235	235	0,61
2.9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	827	3,10		911	911	2,38
2.10	Đất phát triển hạ tầng	11.321	42,49	16.231		16.231	42,47
	Trong đó:						
	Đất cơ sở văn hóa	*92*		*103*	*164*	*267*	
	Đất cơ sở y tế	*150*		*200*		*200*	
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	*470*		*887*		*887*	
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	*84*		*344*	*406*	*750*	
2.11	Đất ở tại đô thị	428	1,61	681		681	1,78
3	Đất chưa sử dụng	3.763	4,37			1.128	2,95
3.1	Đất chưa sử dụng còn lại			1.128		1.128	
3.2	Diện tích đưa vào sử dụng			2.635		2.635	
4	Đất đô thị	5.957	6,92		16.672	16.672	19,38
5	Đất khu du lịch				5.750	5.750	6,68

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Loại đất	Cả thời kỳ 2011-2020	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020
	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	9.183	5.881	3.302
	Trong đó:			
1	Đất trồng lúa	5.709	3.103	2.606
2	Đất trồng cây lâu năm	385	211	174
3	Đất rừng phòng hộ	282	155	127
4	Đất rừng sản xuất	159	77	82
5	Đất nuôi trồng thủy sản	439	270	169

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	Cả thời kỳ 2011-2020	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020
1	Đất nông nghiệp	97	53	44
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng cây lâu năm	30	12	18
1.2	Đất rừng sản xuất	37	34	3
2	Đất phi nông nghiệp	2.538	1.541	997
	Trong đó:			
2.1	Đất khu công nghiệp	4	1	3
2.2	Đất cho hoạt động khoáng sản	950	938	12
2.3	Đất phát triển hạ tầng	943	216	727

(Vị trí các loại đất trong quy hoạch sử dụng đất được thể hiện trên Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, tỷ lệ 1/25.000 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam xác lập ngày 26 tháng 11 năm 2012).

Điều 2. Xét duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của tỉnh Hà Nam với các chỉ tiêu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2010	Diện tích đến các năm				
			Năm 2011*	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	Tổng diện tích tự nhiên	**86.049**	**86.049**	**86.049**	**86.049**	**86.049**	**86.049**
1	Đất nông nghiệp	55.644	55.286	54.034	52.723	51.349	49.916
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	36.429	36.183	35.416	34.741	34.006	33.219
	Tr.đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)	35.245	35.003	34.430	33.949	33.408	32.813
1.2	Đất trồng cây lâu năm	3.821	3.813	3.798	3.716	3.667	3.622
1.3	Đất rừng phòng hộ	5.136	5.117	4.703	4.289	3.875	3.461
1.4	Đất rừng sản xuất	1.241	1.241	1.610	1.979	2.348	2.718
1.5	Đất nuôi trồng thuỷ sản	4.835	4.788	4.717	4.666	4.605	4.544
2	Đất phi nông nghiệp	26.642	27.005	28.730	30.437	32.172	33.964
	Trong đó:						
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	118	119	176	238	297	329

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2.2	Đất quốc phòng	185	186	190	194	198	202
2.3	Đất an ninh	252	286	275	264	253	241
2.4	Đất khu công nghiệp	899	899	1.034	1.170	1.305	1.458
	Đất xây dựng khu công nghiệp	*720*	*720*	*840*	*960*	*1.090*	*1.218*
	Đất xây dựng cụm công nghiệp	*179*	*179*	*194*	*210*	*215*	*240*
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	380	399	700	1.040	1.298	1.541
2.6	Đất di tích danh thắng	894	896	899	902	906	910
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	29	30	38	46	54	64
2.8	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	235	235	235	235	235	235
2.9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	827	827	869	888	899	898
2.10	Đất phát triển hạ tầng	11.321	11.491	12.138	12.790	13.490	14.396
	Trong đó:						
	Đất cơ sở văn hóa	*92*	*94*	*112*	*130*	*148*	*168*
	Đất cơ sở y tế	*150*	*150*	*155*	*160*	*165*	*170*
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	*470*	*479*	*538*	*597*	*656*	*716*
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	*84*	*84*	*224*	*289*	*318*	*345*
2.11	Đất ở tại đô thị	428	432	472	512	552	595
3	Đất chưa sử dụng	3.763	3.758	3.285	2.889	2.528	2.169
4	Đất đô thị	5.957	5.957	5.957	12.245	12.245	13.745
5	Đất khu du lịch				715	1.430	2.145

*Ghi chú: * Diện tích kế hoạch năm 2011 là số liệu ước thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.*

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Diện tích chuyển MĐSD trong kỳ	Chia ra các năm				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	5.881	359	1.319	1.353	1.396	1.454
	Trong đó:						
1	Đất trồng lúa	3.103	218	767	646	730	742
2	Đất trồng cây lâu năm	211	8	21	83	54	45
3	Đất rừng phòng hộ	155	19	35	73	23	5
4	Đất rừng sản xuất	277	14	2	22	39	32
5	Đất nuôi trồng thủy sản	270	47	63	47	56	57

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích đưa vào SD trong kỳ	Chia ra các năm				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Đất nông nghiệp	53	1	12	32	8	
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng cây lâu năm	12		5	2	5	
1.2	Đất rừng sản xuất	34		4	30		
2	Đất phi nông nghiệp	1.541	4	460	365	353	359
	Trong đó:						
2.1	Đất khu công nghiệp	1				1	
2.2	Đất cho hoạt động khoáng sản	938		262	261	210	205
2.3	Đất phát triển hạ tầng	216		136	39	9	32

Điều 3. Căn cứ vào Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; rà soát quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Chính phủ xét duyệt; việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ cấp tỉnh đến cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn Tỉnh; có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khác để thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất của Tỉnh;

2. Khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản nhằm bù lại phần diện tích đất nông nghiệp do bị chuyển mục đích sử dụng;

3. Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, rừng phòng hộ cần bảo vệ nghiêm ngặt; bảo đảm lợi ích giữa các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ với các khu vực giữ nhiều đất trồng lúa; tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ lúa hàng hóa tại địa phương;

4. Chủ động thu hồi đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, trong đó cần phải thu hồi cả phần diện tích đất bên cạnh công trình kết cấu hạ tầng, vùng phụ cận để tạo nguồn vốn cho phát triển, tạo quỹ đất đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Đồng thời, ưu tiên cho người bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng (tái định cư tại chỗ) theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

5. Quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng đất; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng;

6. Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để Chính phủ tổng hợp báo cáo Quốc hội.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, Thủ trưởng các Bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Công an, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: Văn thư, KTN (3). 90

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn